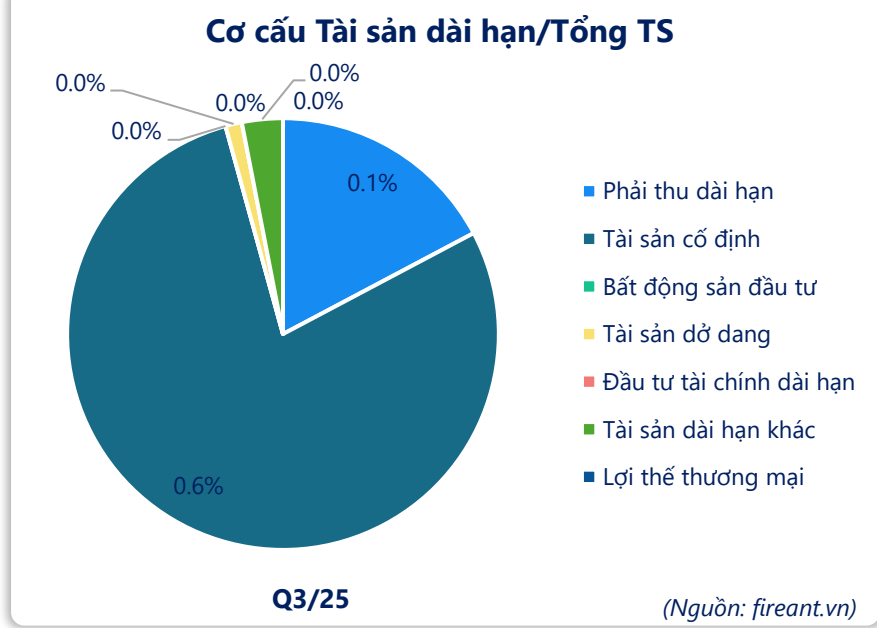
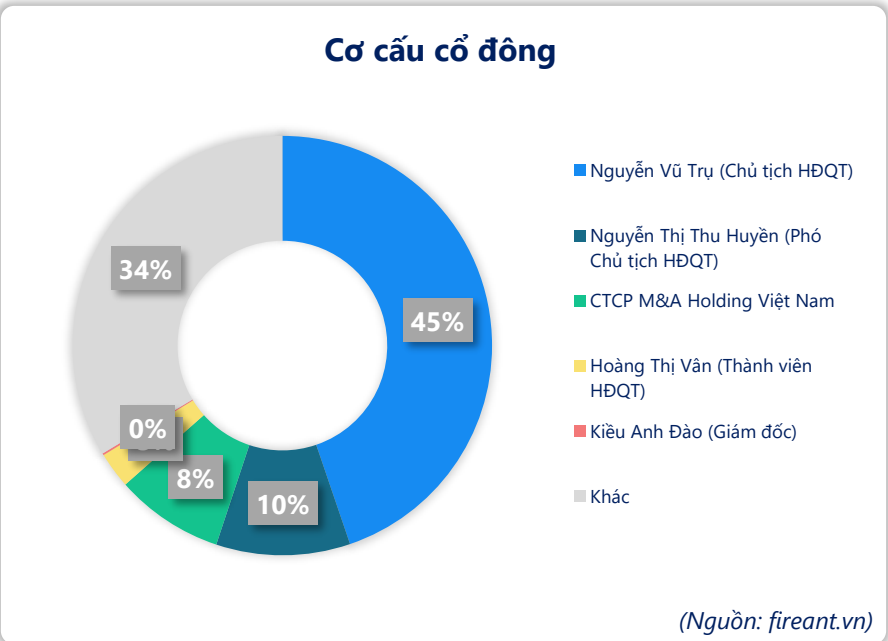
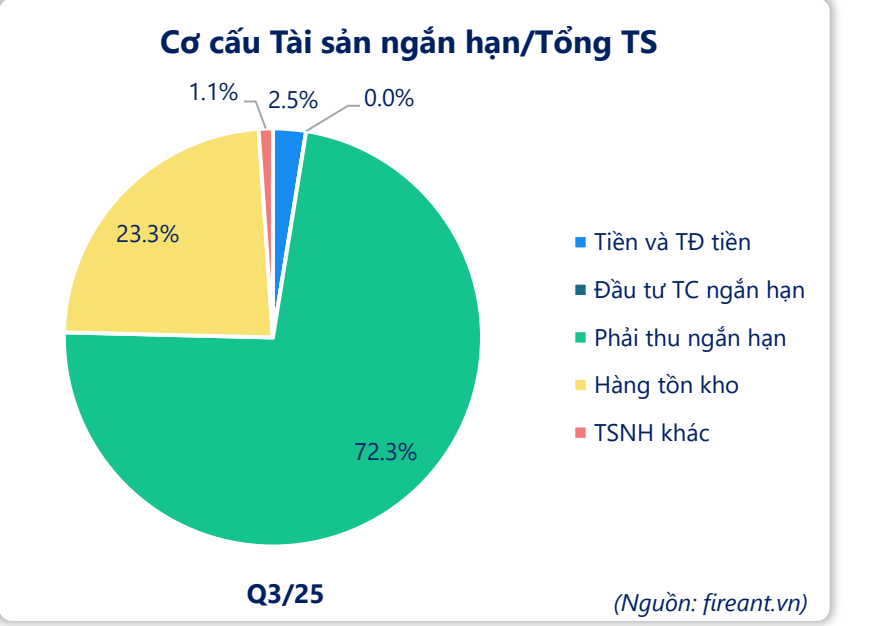
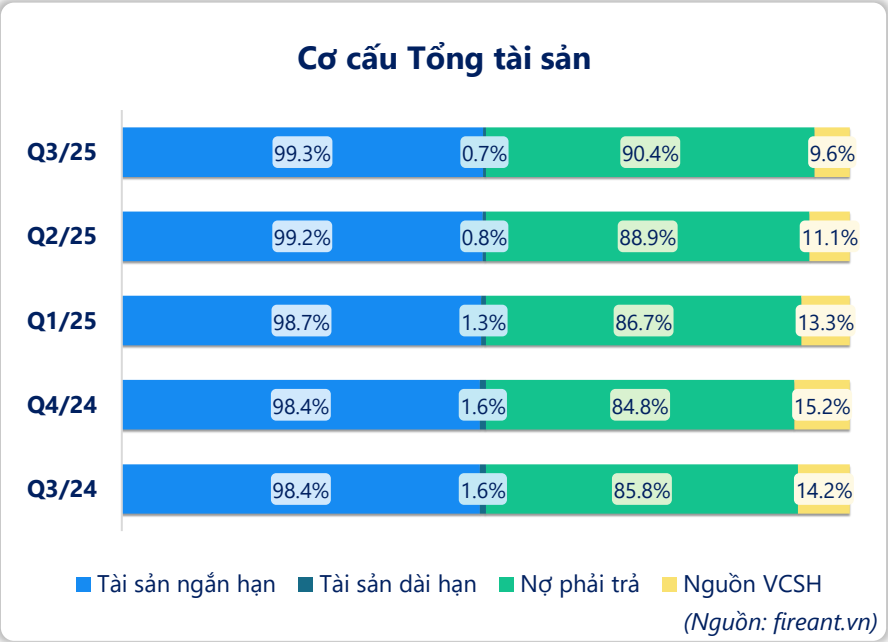
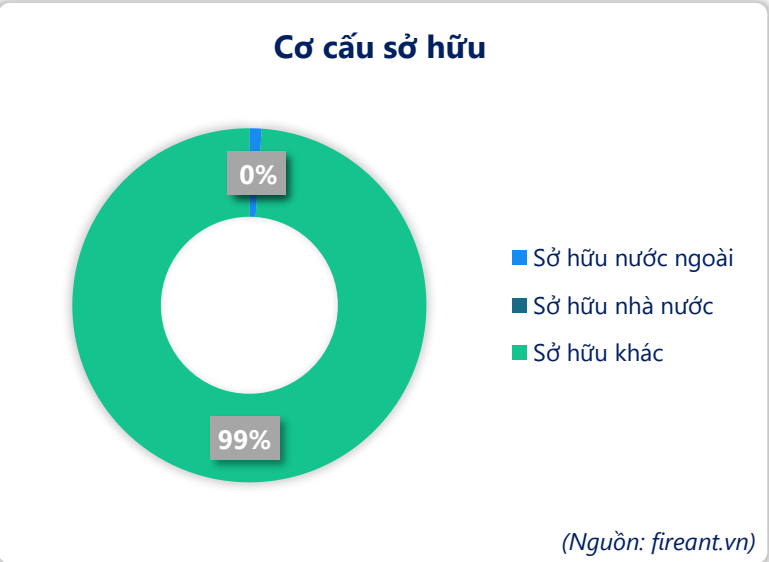
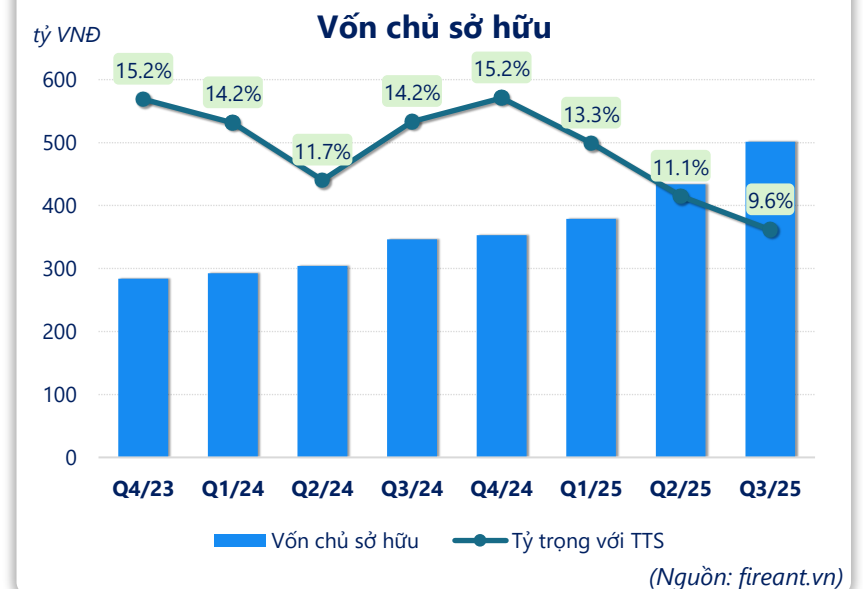
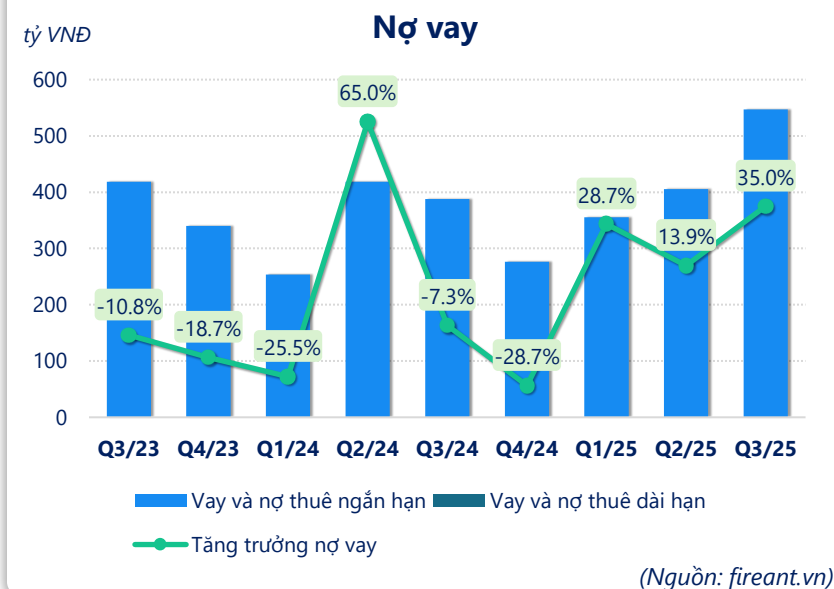
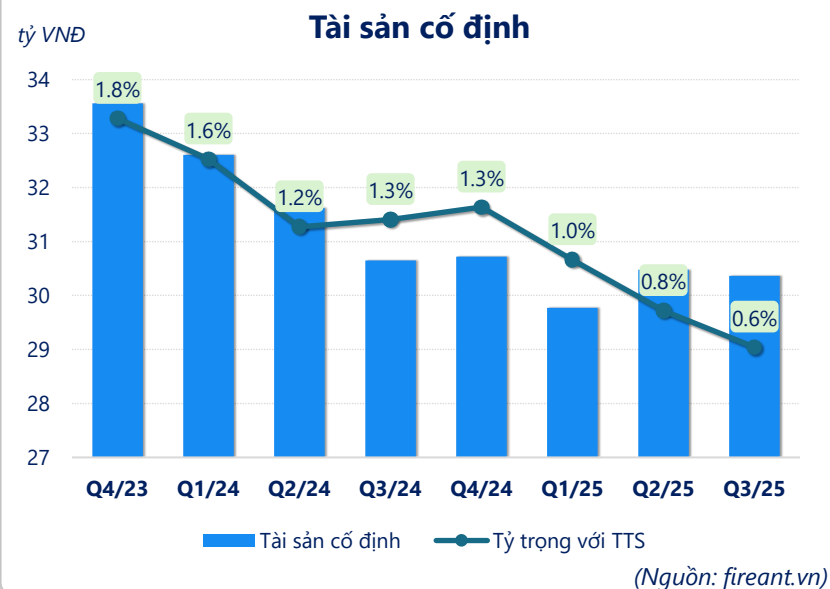
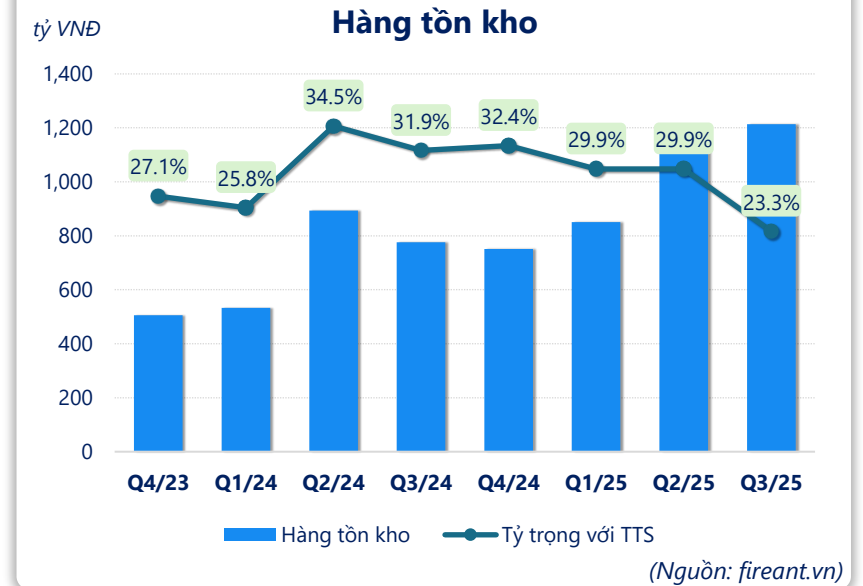
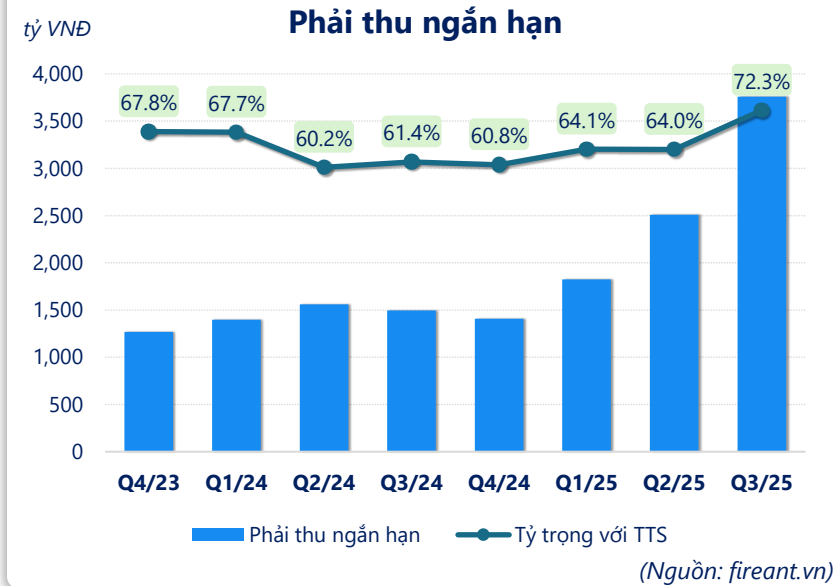
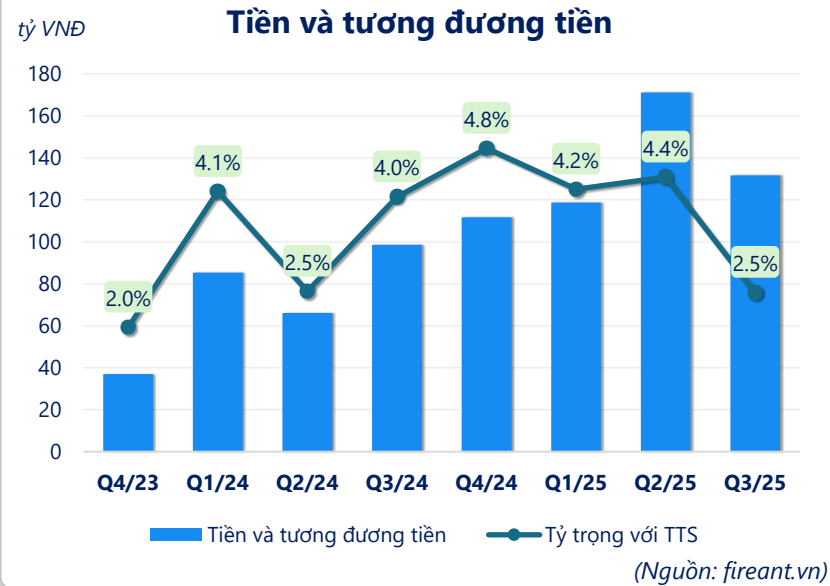
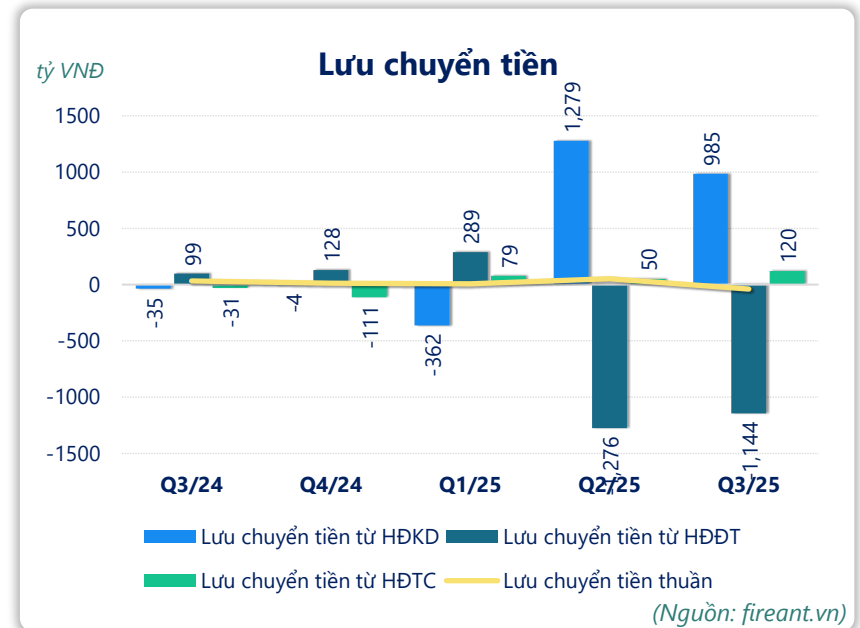
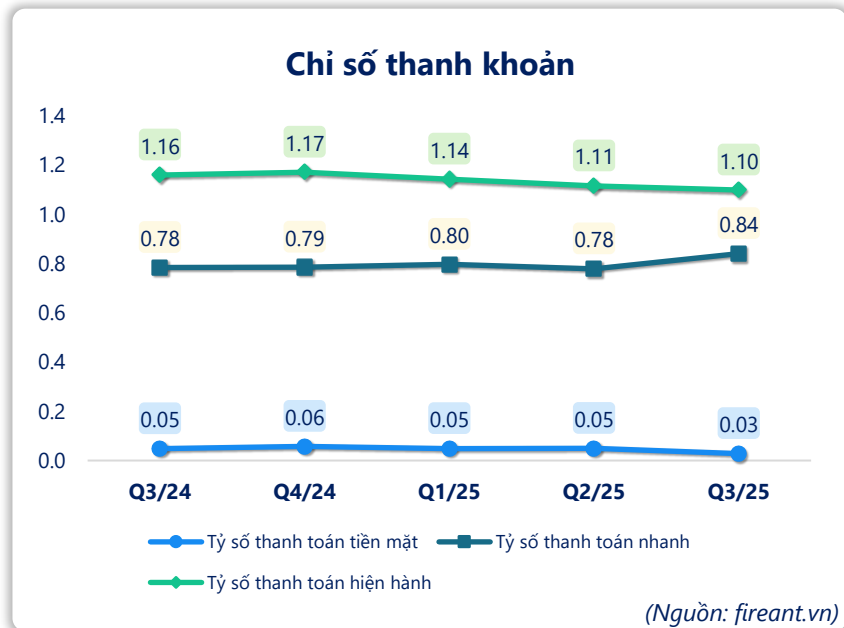
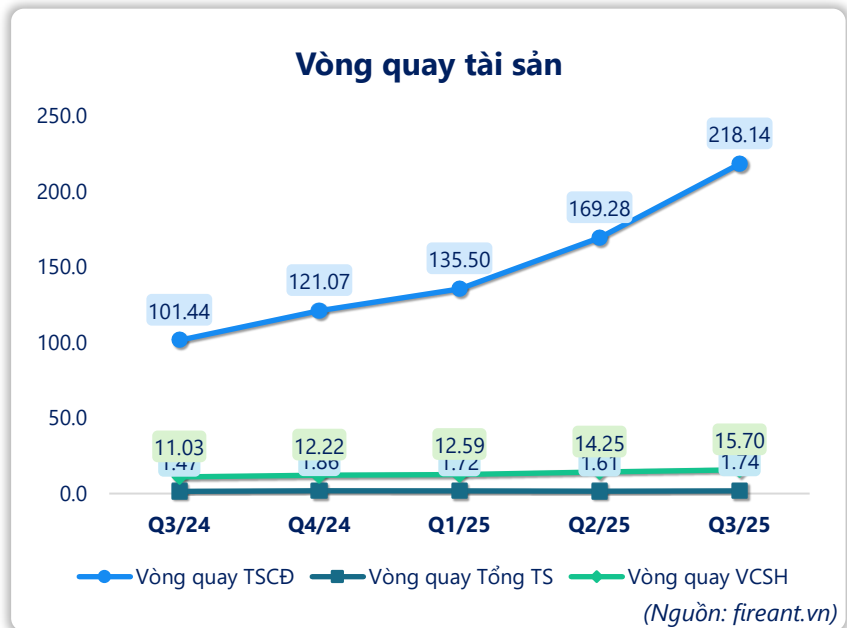
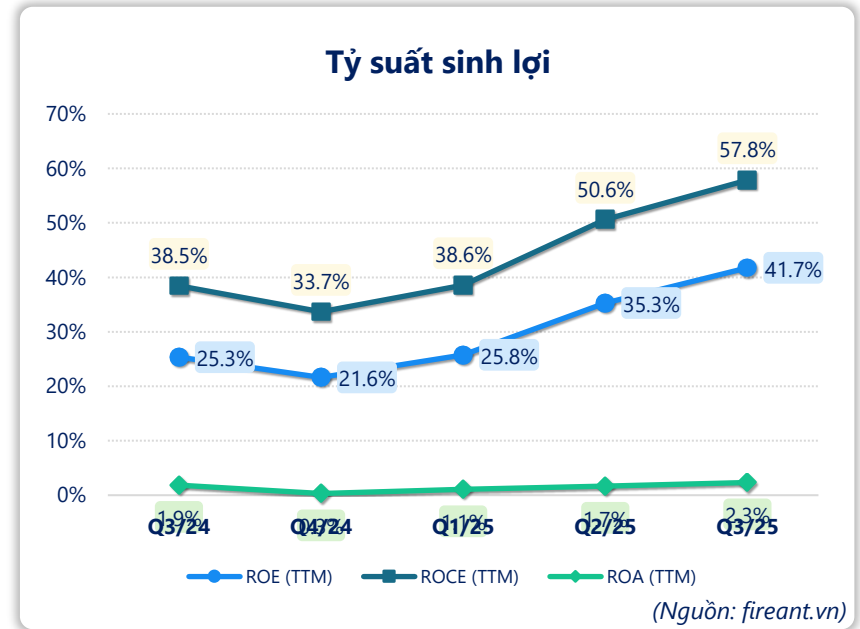
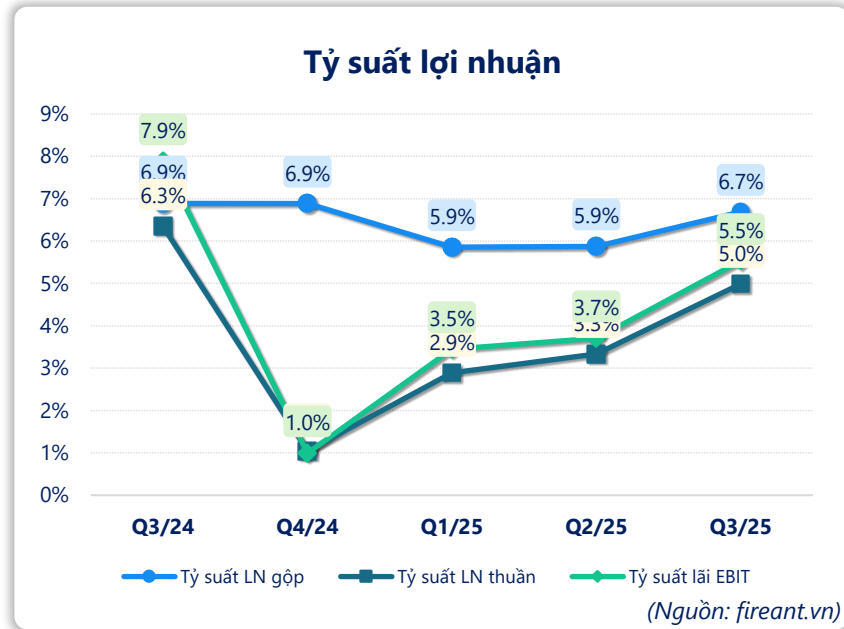
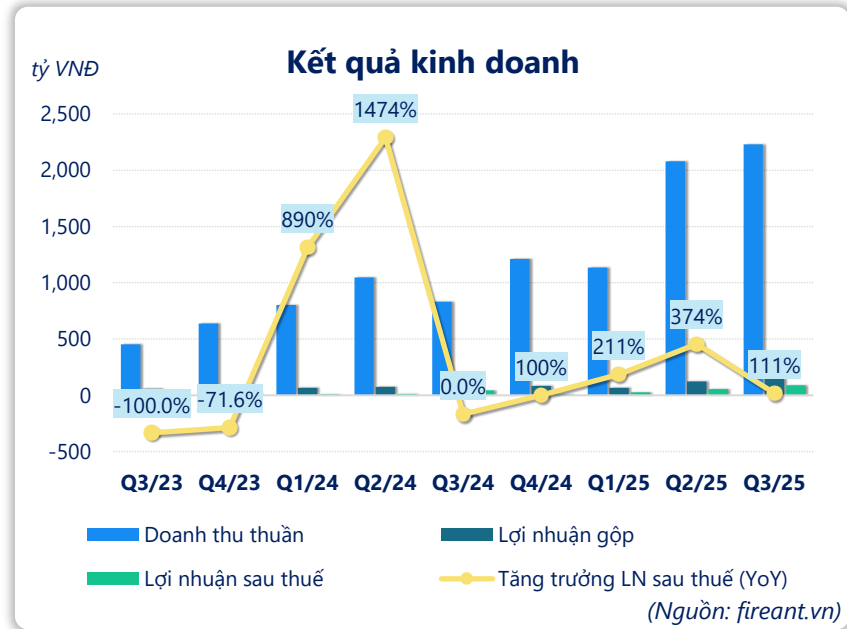


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		40,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,591
SL cổ phiếu LH		21,525,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		71,250
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		872
P/E		4.9
EPS		8,219

	YTD	1T	3T	6T
VVS	148.6%	15.7%	110.1%	133.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,201	2,316	125%
Tài sản ngắn hạn	5,162	2,278	127%
Tiền và tương đương tiền	132	112	17.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3,760	1,406	167%
Hàng tồn kho	1,214	751	61.5%
Tài sản ngắn hạn khác	56.6	9.03	527%
Tài sản dài hạn	38.7	37.6	3.1%
Phải thu dài hạn	6.68	1.01	561%
Tài sản cố định	30.4	30.7	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.48	0.50	-5.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3.60	-100%
Tài sản dài hạn khác	1.18	1.72	-31.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,700	1,963	139%
Nợ ngắn hạn	4,700	1,946	142%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	547	276	98.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,684	1,354	172%
Nợ dài hạn	0	17.3	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	501	353	42.2%
Vốn chủ sở hữu	501	353	42.2%
Vốn điều lệ	215	215	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	831	1,210	1,136	2,078	2,230
Giá vốn hàng bán	774	1,127	1,070	1,956	2,081
Lợi nhuận gộp	57.3	83.3	66.5	122	149
Doanh thu HĐTC	48.4	15.7	32.2	34.5	46.9
Chi phí TC	13.3	33.0	29.7	36.8	27.4
Chi phí lãi vay	12.8	2.84	6.62	7.91	12.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	22.3	28.9	17.5	27.1	29.6
Chi phí QLDN	17.3	24.5	18.7	23.5	27.9
LN thuần từ HĐKD	52.8	12.7	32.8	69.3	111
Lợi nhuận khác	0.01	-3.51	-0.24	-0.17	-0.07
LN trước thuế	52.8	9.17	32.6	69.1	111
Lợi nhuận sau thuế	42.2	6.63	26.1	55.3	88.9
LNST của CĐ cty mẹ	42.2	6.63	26.1	55.3	88.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.5	-3.61	-362	1,279	985
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	98.6	128	289	-1,276	-1,144
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.6	-111	79.3	49.6	120
Tiền đầu kỳ	66.0	98.5	112	119	171
Lưu chuyển tiền thuần	32.5	13.0	6.81	52.4	-39.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.17	0.11	0.05	0.02
Tiền cuối kỳ	98.5	112	119	171	132

(Nguồn: fireant.vn)